TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày 22-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quyền.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hồng Quảng**;

Bà **Trịnh Thị Huệ.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Đỗ Thu Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Bà **Phạm Bích Hồng -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2020/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2020, về việc:*"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST – DS ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S (S)**; Địa chỉ: Số 77 phố H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- **Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng**: Ông Nguyễn Hồng D; sinh năm 1984; địa chỉ: Số 15, Đường P, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ cấp 2 Ngân hàng TMCP S (theo Giấy ủy quyền số 30/UQ-TGĐ ngày 10/02/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S); có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà **Đặng Thị T**; sinh năm: 1958; địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Tổ 7, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh **Phạm Đình H**; sinh năm: 1988; địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Tổ 7, khu B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) trình bày: Căn cứ vào nhu cầu vay vốn của bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H để sửa nhà và mua sắm nội thất. Ngày 11/01/2013 Ngân hàng S - chi nhánh Quảng Ninh; địa chỉ: số 488 Đường P, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã ký Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/HĐTD/DH-CN/S.QN với bên vay là bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H; có cùng địa chỉ: Tổ 39 (nay là Tổ 7, khu B), phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Theo các thỏa thuận ghi trong hợp đồng, ngân hàng S đã cho bà T và anh H vay số tiền 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), mục đích vay: Sửa nhà và mua sắm nội thất gia đình, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 17%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/ lần vào ngày 01 hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nợ gốc bên vay phải trả trong vòng 96 kì (01 tháng/ kỳ), trả vào ngày 26 hàng tháng, mỗi kì trả 1.000.000đ (một triệu đồng), bắt đầu trả kỳ đầu tiên từ ngày 26/01/2013. Sau khi ký hợp đồng, cùng ngày Ngân hàng S đã giải ngân đủ số tiền cho bên vay.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Tổ 39 (nay là tổ 7, khu B), phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 632427, số vào sổ H929 do Uỷ ban nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 09/06/2006 mang tên người sử dụng đất Đặng Thị T. Việc thế chấp đã được bà T, anh H và Ngân hàng S – chi nhánh Quảng Ninh ký tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2013/HĐTC-CN/S.QN ngày 11/01/2013, đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh (địa chỉ: số nhà 28 đường B, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) và đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 22/9/2020, bà T và anh H đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 35.253.319đ (ba mươi năm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn ba trăm mười chín đồng), trong đó: trả nợ gốc 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) và trả nợ lãi 19.253.319đ (mười chín triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm mười chín đồng). Kể từ ngày 26/11/2018, bà T và anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S theo đúng nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng S đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo yêu cầu bà T và anh H trả nợ cho ngân hàng, nhưng bà T và anh H đều không thực hiện.

Nay Ngân hàng S đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Đặng Thị T và anh Phạm

Đình H phải trả cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 22/9/2020 là 173.711.962đ (một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng); nợ lãi trong hạn: 39.999.856đ (ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng); nợ lãi quá hạn: 53.712.106đ (năm mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn một trăm linh sáu đồng) và tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền gốc chậm trả từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2020) cho đến khi bà T và anh H thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ phát sinh theo đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp bà T và anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ tổ 39 (nay là tổ 7, khu B) phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 632427 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 09/06/2006, số vào sổ H929 mang tên người sử dụng đất Đặng Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2013/HĐTC-CN/S.QN ký ngày 11/01/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì bà T và anh H phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lí do nên không có quan điểm thể hiện về các nội dung cần giải quyết của vụ án.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp của bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Tổ 39 (nay là tổ 7, khu B), phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 632427, số vào sổ H929 do Uỷ ban nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 09/06/2006 mang tên người sử dụng đất Đặng Thị T. Vị trí tài sản: Tổ 39 (nay là tổ 7, khu B), phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: tài sản thế chấp vẫn còn nguyên hiện trạng và không có sự thay đổi nào so với thời điểm các bên ký Hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474, 476, điểm b khoản 1 Điều 318, Điều 342, 355 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị T; sinh năm 1958 và anh Phạm Đình H; sinh năm 1988; cùng có địa chỉ nơi cư trú: Tổ 39 (nay là Tổ 7, khu B), phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh phải trả các khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, việc thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lí do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc giao kết Hợp đồng cấp tín dụng số: 01/2013/HĐTD/DH-CN/S.QN ngày 11/01/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2013/HĐTC-CN/S.QN ngày 11/01/2013 giữa Ngân hàng S - chi nhánh Quảng Ninh với bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H là sự thỏa thuận của các bên và hoàn toàn tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các Tổ chức tín dụng và các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng S. Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản này đều đã phát sinh hiệu lực. Ngân hàng S đã giải ngân đủ khoản vay, bà T và anh H đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng, do đó phát sinh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[3] Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng S không đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/DH-CN/S.QN ký ngày 11/01/2013 giữa Ngân hàng S - chi nhánh Quảng Ninh với bên vay là bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H. Nhưng theo nội dung khởi kiện của Ngân hàng S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H phải trả toàn bộ các khoản nợ phát sinh (bao gồm cả các khoản nợ thu hồi trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng này. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải chấm dứt Hợp đồng tín dụng trên theo quy định tại khoản 4 Điều 424 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: "Buộc bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H phải trả cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 22/9/2020 là 173.711.962đ (một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng); nợ

lãi trong hạn: 39.999.856đ (ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng); nợ lãi quá hạn: 53.712.106đ (năm mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn một trăm linh sáu đồng) và tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền gốc chậm trả từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2020) cho đến khi bà T và anh H thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ phát sinh theo đồng tín dụng nêu trên. Trường hợp bà T và anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ tổ 39 (nay là tổ 7, khu B) phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 632427 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 09/06/2006, số vào sổ H929 mang tên người sử dụng đất Đặng Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2013/HĐTC-CN/S.QN ký ngày 11/01/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì bà T và anh H phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ".

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ngân hàng khởi kiện đối với bà T và anh H, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và anh H phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ phát sinh (bao gồm cả thu hồi các khoản nợ gốc trước hạn) theo Hợp đồng tín dụng là đúng với thỏa thuận tại Điều 6, Mục 12.3 Điều 12 của Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/DH-CN/S.QN ngày 11/01/2013 và các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2013/HĐTC-CN/S.QN ngày 11/01/2013 đã ký kết giữa các bên đương sự, phù hợp với quy định tại: Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 302, 305, 471, 474, 476, điểm b khoản 1 Điều 318, Điều 342, 355 và khoản 4 Điều 424 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm" nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn, Ngân hàng S được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn, bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 302, 305, 471, 474, 476, điểm b khoản 1 Điều 318, Điều 342, 355 và khoản 4 Điều 424 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H.

1. Chấm dứt Hợp đồng tín dụng số: 01/2013/HĐTD/DH-CN/S.QN ký ngày 11/01/2013 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S (S) - chi nhánh Quảng Ninh với bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H.

2. Buộc bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 22/9/2020 là 173.711.962đ (một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng); nợ lãi trong hạn: 39.999.856đ (ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng); nợ lãi quá hạn: 53.712.106đ (năm mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn một trăm linh sáu đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2020), bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H còn phải tiếp tục phải trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2013/HĐTD/DH-CN/S.QN ngày 11/01/2013 cho đến khi bà T và anh H thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu anh bà Đặng Thị T, anh Phạm Đình H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2013/HĐTC-CN/S.QN ký ngày 11/01/2013, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh Quảng Ninh với bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ tổ 39 (nay là tổ 7, khu B) phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 632427 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 09/06/2006, số vào sổ H929 mang tên người sử dụng đất Đặng Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/2013/HĐTC-CN/S.QN ký ngày 11/01/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì bà T và anh H phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ.

4. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị T và anh Phạm Đình H phải nộp: 8.685.598đ (tám triệu sáu trăm tám mươi năm nghìn năm trăm chín mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải nộp tiền án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005216 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2020); bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ vụ án; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Quyền